

Bản án số: 232/2023/HS-ST
Ngày: 14/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Lâm Bình**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Hữu Đức**

Bà **Ngô Thị Yên**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Thịnh Quang Trung**- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:* Bà **Dương Thị Hiệp**- Kiểm sát viên.

Ngày 14/11/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, TP. Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 222/2023/TLST-HS ngày 18/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2023/QĐXXST-HS ngày 31/10/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị V; Có vợ là Nguyễn Thị Phương D và có 01 con, sinh năm 2020; Theo danh chỉ bản số 281 của Công an TP. Hà Nội lập ngày 22/5/2023 xác định: Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày **11/5/2023**; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày **19/5/2023**; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị **Đỗ Thị Yên T**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn TO, xã TD, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

2. Chị **Nguyễn Thị Phương D**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội (Vợ bị cáo).

Đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án như sau: Do cần tiền để phục vụ nhu cầu cá nhân, chị **Đỗ Thị Yên T** có nhờ **Nguyễn Văn Đ** cho vay tiền, Đ đồng ý. Từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022, Đ đã cho chị T vay rất nhiều lần, với các mức lãi suất khác nhau. Nguồn tiền để Đ cho chị T vay là từ

tiền cá nhân của Đ, cộng với việc Đ huy động, vay mượn từ bạn bè. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra làm rõ việc thỏa thuận cho vay và trả lãi của 02 khoản tiền giữa Đ và chị T như sau:

Khoản thứ nhất: Ngày 19/12/2021, Đ cho chị T vay số tiền 250.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Đ cắt lãi trước 01 tháng (tính tròn 30 ngày), tương ứng là 22.500.000 đồng, chị T nhận về số tiền 227.500.000 đồng (ngày 19/12/2021, Đ chuyển khoản cho chị T 150.000.000 đồng, ngày 20/12/2021, Đ tiếp tục chuyển khoản cho chị T 77.500.000 đồng).

- Kỳ lãi 1 vào ngày 20/01/2022, Đ nhận được 22.500.000 đồng tiền lãi từ tài khoản của chị T.

- Kỳ lãi 2 vào ngày 18/02/2022, Đ nhận được 22.500.000 đồng tiền lãi từ tài khoản của chị T.

- Kỳ lãi 3, Đ nhận đủ 22.500.000 đồng tiền lãi từ tài khoản của chị T (10.000.000 đồng vào ngày 18/3/2022, 6.000.000 đồng vào ngày 22/3/2022, 6.000.000 đồng vào ngày 23/3/2022 và 500.000 đồng vào ngày 31/03/2022 cùng với lãi của khoản vay khác).

- Kỳ lãi 4, Đ nhận đủ 22.500.000 đồng tiền lãi (10.000.000 đồng ngày 25/4/2022, 10.000.000 đồng ngày 29/4/2022, 7.600.000 đồng ngày 30/4/2022, thừa 5.100.000 đồng của khoản vay khác).

- Kỳ lãi 5, Đ nhận đủ 22.500.000 đồng tiền lãi (15.000.000 đồng ngày 21/5/2022, 7.500.000 đồng ngày 24/5/2022).

- Kỳ lãi 6, Đ nhận đủ 22.500.000 đồng tiền lãi (15.000.000 đồng ngày 19/6/2022 và 10.000.000 đồng ngày 20/6/2022, trong đó có 2.500.000 đồng của khoản vay khác).

Hiện chị T vẫn còn nợ Đ số tiền gốc 250.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị T đã trả cho Đ là 157.500.000 đồng. Theo đó, số tiền lãi tính theo mức lãi suất tối đa (20%) quy định tại Điều 468 BLDS của khoản vay trên là 29.166.666,67 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 128.333.333,33 đồng.

Khoản thứ hai: Ngày 31/01/2022, Đ và chị T thống nhất với nhau chị T nợ Đ số tiền 50.000.000 đồng, tính thành 1 khoản vay mới, thỏa thuận lãi suất cho khoản vay này là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (Tương ứng lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự).

- Kỳ lãi 1, ngày 01/3/2022, Đ nhận đủ 4.500.000 đồng tiền lãi.

- Kỳ lãi 2, ngày 31/3/2022, Đ nhận được từ chị T số tiền 5.400.000 đồng thông qua chuyển khoản, bao gồm 4.500.000 đồng tiền lãi của khoản vay này, 500.000 đồng là tiền lãi còn thiếu của kỳ lãi 3 của khoản vay 250.000.000 đồng ngày 19/12/2021, 400.000 đồng là tiền chị T chuyển thừa, số tiền này Đ đã chuyển lại cho chị T.

Hiện tại, chị T vẫn còn nợ Đ số tiền gốc 50.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị T đã trả cho Đ là 9.000.000 đồng. Theo đó, số tiền lãi tính theo mức lãi suất tối đa (20%) quy định tại Điều 468 BLDS của khoản vay này là 1.666.666,67 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 7.333.333,33 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi mà Đ đã nhận được từ chị T cho 02 khoản vay trên là **166.500.000** đồng. Trong đó, số tiền lãi được hưởng tính theo mức lãi suất tối đa (20%)

quy định tại Điều 468 BLDS của cả 02 khoản vay là **30.833.333,34** đồng, số tiền thu lợi bất chính là **135.666.666,66** đồng.

Ngoài việc vay tiền của Đ, chị T còn vay tiền của chị Nguyễn Thị Phương D (Vợ của Đ) nhiều lần, với các mức lãi suất khác nhau. Tuy nhiên, việc vay tiền của chị T với chị D là độc lập với việc vay tiền của Đ, chị T không nói với ai khác khi vay tiền của Đ và chị D.

Quá trình cho vay, Đ sử dụng tài khoản số 19032028xxxxxx mở tại Ngân hàng TMCP K, chị D sử dụng tài khoản số 0541000xxxxxx mở tại Ngân hàng TMCP N và tài khoản số 19038045xxxxxx mở tại Ngân hàng TMCP K, chị T sử dụng tài khoản 0491000xxxxxx mở tại Ngân hàng TMCP N và tài khoản số 1007xxxxxx mở tại Ngân hàng TMCP S để gửi, nhận tiền vay và trả lãi.

Tại cơ quan điều tra:

- Đ khai nhận phù hợp với tài liệu điều tra đã thu thập được. Ngoài khoản vay 250.000.000 đồng ngày 19/12/2021 và 50.000.000 đồng ngày 31/01/2022, Đ còn cho chị T vay 07 lần khác, với các mức lãi suất khác nhau. Một số khoản vay Đ không nhớ việc trả lãi và trả tiền gốc như thế nào, một số khoản vay chị T tiếp tục cho người khác vay lại để hưởng chênh lệch.

- Chị Nguyễn Thị Phương D khai nhận phù hợp với tài liệu điều tra đã thu thập được. Chị D đã cho chị T vay 03 lần, tổng số tiền là 120.000.000 đồng, lãi suất dao động từ 782,14%/năm đến 1,825%/năm. Tổng số tiền lãi chị D đã nhận được từ chị T là 49.500.000 đồng. Nguồn tiền cho vay là tiền cá nhân của chị D, không có ai khác tham gia vào việc chị D cho chị T vay tiền. Đến nay, chị T vẫn chưa trả cho chị D số tiền 120.000.000 đồng.

- Chị Đỗ Thị Yến T khai nhận phù hợp với tài liệu điều tra đã thu thập được. Ngoài việc vay của Đ 250.000.000 đồng ngày 19/12/2021 và 50.000.000 đồng ngày 31/01/2022, chị T còn vay của Đ nhiều khoản khác, do thời gian đã lâu nên chị T không nhớ. Ngoài ra, chị T cũng vay tiền của chị D nhiều lần với lãi suất khác nhau, trong đó có khoản vay 30.000.000 đồng ngày 02/12/2022 và 40.000.000 đồng ngày 05/12/2022. Việc chị T vay tiền của Đ và chị D là hai giao dịch độc lập.

Đối với các khoản cho vay khác mà Đ và chị D đã cho chị T vay, việc chị T bàn bạc với Đ để cho bạn của chị T vay lại, sau đó chị T hưởng chênh lệch, trong lời khai của chị D, chị T, Đ và tài liệu thu thập có nhiều mâu thuẫn, Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập chị T để làm rõ các khoản vay này. Tuy nhiên, chị T không có mặt ở nơi cư trú, gia đình từ chối nhận giấy triệu tập. Do vậy, Cơ quan điều tra đã tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án để tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ các khoản cho vay này theo quy định của pháp luật.

Về bồi thường dân sự:

- Đ không có đề nghị gì về dân sự.
- Chị D đề nghị chị T trả lại số tiền 120.000.000 đồng đã cho vay.
- Chị T đề nghị Đ và chị D trả lại số tiền mà Đ và chị D đã thu lợi bất chính từ việc lấy lãi (Khoảng 150.000.000 đồng).

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI1: 356266762204516, số IMEI2:

356266761974804, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết, xử lý vật chứng theo thẩm quyền.

Cáo trạng số 214/CT-VKSĐA ngày 17/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh quyết định truy tố : Nguyễn Văn Đ về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Văn Đ khai và thừa nhận toàn bộ hành vi cho chị Đỗ Thị Yến T vay tổng số tiền là 300.000.000 đồng với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền 135.666.666 đồng như diễn biến nội D vụ án và Cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo xác định đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh số tiền 166.499.999 đồng (Gồm số tiền lãi được hưởng tính theo mức lãi suất tối đa 30.833.333 đồng và số tiền thu lợi bất chính 135.666.666 đồng). Khi được nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn, hối cải và mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt: Nguyễn Văn Đ từ 18 tháng đến 20 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 40 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng.

- Về dân sự, xử lý số tiền bị cáo đã nộp và số tiền liên quan đến tội phạm:

- + Truy thu, sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền cho vay 300.000.000 đồng. Số tiền này chị T chưa trả cho bị cáo Đ.

- + Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 30.833.333 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- + Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 135.666.666 đồng và buộc chị T phải nộp thêm số tiền 164.333.334 đồng còn thiếu vào Ngân sách Nhà nước.

- + Về yêu cầu của chị D đề nghị chị T trả lại số tiền 120.000.000 đồng không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

- + Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone tạm giữ của bị cáo do sử dụng vào việc phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi và tội danh của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng các đoạn trích sao tin nhắn qua mạng xã hội giữa bị cáo với chị T, giữa chị T với chị D, các sao kê giao dịch qua tài khoản ngân hàng...vv. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022 tại huyện Đông Anh, TP. Hà Nội, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã có hành vi cho chị Đỗ Thị Yến T vay 02 khoản với tổng số tiền là 300.000.000 đồng với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%). Tổng số tiền lãi mà bị cáo đã nhận được từ chị T là **166.500.000** đồng. Trong đó, số tiền lãi được hưởng tính theo mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là **30.833.333,34** đồng, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là **135.666.666,66** đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng, mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến quyền, lợi ích tài chính của công dân, ngoài ra còn là nguyên nhân dẫn đến các hành vi trái pháp luật khác. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra, song do coi thường pháp luật, tư lợi, bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Nội dung Điều luật quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Bị cáo thực hiện 02 lần hành vi cho vay lãi nặng, trong đó có một lần thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng; một lần thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng, các hành vi này chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt tương ứng với tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần cho vay lãi nặng, không có căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Việc đưa bị cáo ra xét xử và có mức hình phạt thỏa đáng nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời tuyên truyền, giáo dục, phòng chống tội phạm nói chung là cần thiết.

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội đã tích cực bồi thường, nộp

lại tiền thu lời; Gia đình có người thân có công với Cách mạng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo Điều 1, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính:

Khi lượng hình, Tòa án xét đến nhân thân, tính chất và mức độ thực hiện hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để từ đó có hình phạt tương xứng. Cụ thể: Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội xuất phát từ giao dịch dân sự trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên. Giữa bị cáo, vợ bị cáo và chị Đỗ Thị Yến T có quan hệ bạn bè thân thiết, tài liệu trích sao tin nhắn thể hiện chị T do có nhu cầu về tiền bạc nên đều là người chủ động hỏi vay tiền bị cáo trước, do không trả được tiền và bị thúc giục trả nợ nên đã làm đơn tố giác. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không cao, hoạt động cho vay riêng lẻ, tự phát, không có tính chất chuyên nghiệp, không hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Hậu quả vụ án từ phía bị cáo gây ra đã được khắc phục toàn bộ; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng đủ răn đe, giáo dục, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của Pháp luật hình sự trong chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét để củng cố tính chất răn đe của hình phạt chính, nhằm ngăn chặn các hành vi tương tự và phòng ngừa chung nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền ở một mức độ phù hợp đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[7] Về dân sự, xử lý số tiền bị cáo đã nộp và số tiền liên quan đến tội phạm:

+ Cần truy thu, sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 300.000.000 đồng là tiền gốc bị cáo Đ cho vay. Số tiền này chị T chưa trả cho bị cáo Đ nên cần buộc chị T phải nộp lại số tiền này.

+ Cần tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 30.833.333 đồng do bị cáo Đ tự nguyện giao nộp là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của chị T.

+ Cần trả lại cho chị T số tiền 135.666.666 đồng do bị cáo Đ tự nguyện giao nộp là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu. Tuy nhiên, do chị T bị buộc phải nộp lại số tiền gốc 300.000.000 đồng chưa trả cho bị cáo Đ nên cần tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 135.666.666 đồng và buộc chị T phải nộp thêm số tiền 164.333.334 đồng còn thiếu vào Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với yêu cầu của chị D đề nghị chị T trả lại số tiền 120.000.000 đồng đã cho vay được xác định là quan hệ dân sự, không liên quan đến vụ án này nên sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án: Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để: Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone tạm giữ của bị cáo do sử dụng vào việc phạm tội;

[9] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên toà về tội danh, đề xuất hình phạt chính đối với bị cáo và các nội dung khác liên quan là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt chính: *Căn cứ Khoản 2 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ **18** (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã KC, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: *Căn cứ Khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự,*

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn Đ: 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

4. Về dân sự, xử lý số tiền bị cáo đã nộp và số tiền liên quan đến tội phạm:

+ Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 30.833.333 đồng do bị cáo Đ tự nguyện giao nộp theo Biên lai thu tiền số 16758 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

+ Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 135.666.666 đồng theo Biên lai thu tiền số 16757 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

+ Buộc chị Đỗ Thị Yến T phải truy nộp lại số tiền 164.333.334 đồng vào Ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về vật chứng vụ án: *Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự;*

Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone (Chi tiết, tình trạng, đặc điểm theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20/10/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Đông Anh với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh).

6. Về án phí: *Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;*

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án hoặc quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã KC;
- Lưu hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lâm Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 06 tháng 3 năm 2018
Tại: phòng nghị án tầng 2 - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Tiến Trung**.
 Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Dương Xuân Đỉnh**
 2/ Bà **Ngô Thị Thu Hiền**

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2018/TLHS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2018 đối với:

Bị cáo **Trần Quang Tịnh**, sinh năm 1979 tại Hà Nội.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1/ Về tội danh: Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3:

Tuyên bố bị cáo **Trần Quang Tịnh** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2/ Điều luật áp dụng và hình phạt:

Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3 căn cứ vào:

Điều 249, khoản 1, điểm c; Điều 51 khoản 1 điểm s Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Quang Tịnh** 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2017.

3/ Các vấn đề khác: Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3:

- Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự

Hội đồng xét xử biểu quyết nhất trí 3/3: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 47 khoản 1 điểm c Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 khoản 2 điểm a Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong có chứa 0,334 gam Hêrôin. (Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/01/2018 giữa Công an huyện Đông Anh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh).

- Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 khoản 1; Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21 khoản 1 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng danh mục kèm theo.

Bị cáo Trần Quang Tịnh phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biên bản nghị án đã được các thành viên Hội đồng xét xử đọc lại, nhất trí 100% (3/3) thông qua./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

